

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Gói thầu Tư vấn Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Nam Định

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành về định mức kinh tế kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 47/2024/NQ-HĐND ngày 14/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đối với dự toán mua sắm thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Nam Định: 41/2021/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định; số 2467/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Văn bản số 441/UBND-VP6 ngày 02/8/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc chủ trương thực hiện nhiệm vụ: Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Nam Định;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 507/GUQ-STNMT ngày 01/02/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định;

Xét Tờ trình số 99/TTr-ĐDDKKTĐ ngày 05/8/2024 của Phòng Đo đạc, Đăng ký và Kinh tế đất và Báo cáo số 62/BC-VP ngày 05/8/2024 của Văn phòng thẩm định dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Gói thầu Tư vấn Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Nam Định;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu Tư vấn Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Nam Định với các nội dung sau:

1. Tên nhiệm vụ: Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Nam Định.

2. Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định

3. Nội dung thực hiện

3.1. Phạm vi

Điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn thành phố Nam Định và 09 huyện với 20 điểm điều tra; 180 phiếu điều tra; 01 loại đất là đất ở.

3.2. Mục đích

Điều tra, thu thập thông tin đầu vào theo quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 4 của Nghị định 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 được hình thành trong thời gian 24 tháng tính từ thời điểm khảo sát trở về trước. Trường hợp thông tin có cùng thời điểm phát sinh thì ưu tiên lựa chọn nguồn thông tin theo thứ tự như sau: cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; Văn phòng Đăng ký đất đai; đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, đơn vị, tổ chức đấu giá tài sản; sàn giao dịch bất động sản, doanh nghiệp bất động sản; thông tin thu thập qua điều tra, khảo sát phục vụ điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Nam Định.

3.3. Yêu cầu

Định giá đất cụ thể phải đáp ứng các quy định của Luật đất đai năm 2024, Nghị định 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất.

4. Tổng kinh phí: 97.970.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn./.*)

(*Chi tiết theo phụ lục đính kèm*)

5. Nguồn vốn: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

6. Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong năm 2024 (Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15/9/2024)

II. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Tên chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định

2. Tên gói thầu:

a. Tên gói thầu: Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Nam Định.

b. Tóm tắt công việc chính của gói thầu:

Điều tra, thu thập thông tin; điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Nam Định.

3. Giá gói thầu: 97.970.000 đồng

4. Nguồn vốn: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu rút gọn

6. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 20 ngày

7. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 8/2024

8. Loại hợp đồng: Trọn gói

9. Thời gian thực hiện gói thầu: 04 tháng

10. Giám sát hoạt động đấu thầu: Không đề xuất

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 giao Phòng Đo đạc, Đăng ký và Kinh tế đất chủ trì phối hợp với Văn phòng tham mưu triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Đo đạc, Đăng ký và Kinh tế đất và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở TN&MT;
- Lưu VT, VP.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tuấn Hùng

Phụ lục
DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ
19/2023/QĐ-UBND NGÀY 21/7/2023 CỦA UBND TỈNH NAM ĐỊNH

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp	Tổng cộng
1	Chi phí trực tiếp	59.770.790	18.314.587	78.085.377
-	Chi phí lao động	57.091.187	17.906.623	74.997.810
-	Chi phí dụng cụ	328.464	38.478	366.942
-	Chi phí thiết bị	1.320.818	174.006	1.494.824
-	Chi phí vật liệu	1.030.320	195.480	1.225.800
2	Chi phí chung <i>(20% Ngoại nghiệp + 15% Nội nghiệp)</i>	8.965.618	3.662.917	12.628.536
I	Tổng (1+2)	68.736.408	21.977.504	90.713.912
II	Thuế GTGT (I*8%)			7.257.113
III	Tổng cộng (I+II)			97.971.025
IV	Làm tròn			97.970.000
	<i>Bằng chữ: Chín mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn</i>			